



YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SINH KẾ HỘ NGƯ NGHIỆP Ở HUYỆN QUẢNG ĐIỀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Phạm Thị Thanh Xuân*

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, 99 Hồ Đắc Di, Huế, Việt Nam

* Tác giả liên hệ: Phạm Thị Thanh Xuân <thanhxuankinhte@gmail.com>

(Ngày nhận bài: 27-12-2022; Ngày chấp nhận đăng: 14-4-2023)

Tóm tắt. Nghiên cứu này nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sinh kế của hộ ngư nghiệp tại huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Số liệu của nghiên cứu được thu thập thông qua khảo sát 150 hộ ngư nghiệp tại hai xã Quảng Ngạn và Quảng Công, huyện Quảng Điền. Phương pháp phân tích hồi quy đa biến được sử dụng để xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến sinh kế của hộ. Kết quả ước lượng cho thấy, trong 9 yếu tố đưa vào mô hình, có 6 yếu tố có ảnh hưởng tích cực đến sinh kế của hộ, bao gồm: trình độ văn hóa của chủ hộ, kinh nghiệm sản xuất, số lao động, diện tích sản xuất, tham gia vào các tổ chức tại địa phương và chiến lược sinh kế. Từ đó, một số khuyến nghị được đề xuất nhằm giúp các hộ ngư nghiệp phát triển sinh kế bền vững trong thời gian tới.

Từ khóa: sinh kế, hộ ngư nghiệp, Quảng Điền

Factors affecting fishing households' livelihood in Quang Dien district, Thua Thien Hue province

Pham Thi Thanh Xuan*

University of Economics, Hue University, 99 Ho Duc Di St., Hue, Vietnam

* Correspondence to Pham Thi Thanh Xuan <thanhxuankinhhte@gmail.com>

(Received: December 27, 2022; Accepted: April 14, 2023)

Abstract. This study aims to determine the factors affecting the livelihood of fishing households in Quang Dien district, Thua Thien Hue Province. Data are collected from the survey of 150 fishing households in Quang Ngan and Quang Cong communes, Quang Dien district. Multiple regression model was used to analyze the factors affecting the household's livelihood outcome. The estimation results showed that, there were 6 factors positively impacting on the household's livelihood outcome including the educational level of household heads, experiences, number of household' labor, total farmland area, participation in unions and associations, and household's livelihood strategies. Therefore, the policy implications have been proposed to improve household's livelihood sustainability in the coming year.

Keywords: livelihood, fishing household, Quang Dien

1 Đặt vấn đề

Ở nước ta, thủy sản đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế nói chung và kinh tế ở các vùng ven biển, đặc biệt nói riêng. Vai trò quan trọng của thủy sản ngày càng được thể hiện trên tất cả các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường. Tại các tỉnh Duyên Hải miền Trung phần lớn người dân đều chọn sinh kế thủy sản hoặc các hoạt động sinh kế kết hợp nuôi trồng thủy sản [1] và sinh kế thủy sản là hoạt động sinh kế quan trọng của phần lớn ngư dân ven biển Thừa Thiên Huế [2].

Tiếp cận sinh kế được sử dụng nhiều trong các nghiên cứu phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Dựa trên khung lý thuyết về sinh kế và sinh kế bền vững do Cục Phát triển Quốc tế Vương quốc Anh (DFID) và tổ chức CARE Quốc tế, nhiều nghiên cứu đã được triển khai và mở rộng các khung lý thuyết cho sinh kế nông thôn [3]. Khái niệm sinh kế có thể được xem xét ở các mức độ khác nhau, trong đó phổ biến nhất là sinh kế quy mô hộ gia đình [3, 4]. Khi nói đến sinh kế hộ gia đình là nói đến các yếu tố cấu thành sinh kế, gồm các nguồn lực sinh kế, các hoạt động

của sinh kế, khả năng thực hiện hoạt động sinh kế và kết quả sinh kế. Việc xác định và thực hiện các hoạt động sinh kế nhằm đạt được kết quả như kỳ vọng của hộ gia đình thường xuyên chịu những tác động của các yếu tố thuộc về điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội [5].

Quảng Điền là một huyện vùng trũng thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế nằm ở phía Bắc lưu vực sông Bồ, phía Tây phá Tam Giang với địa hình gồm nhiều xã ven biển, diện tích hoàn toàn là vùng cát nội đồng và vùng đầm phá ven biển có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển nuôi trồng thủy sản [6]. Do vậy, thủy sản trở thành hoạt động sinh kế quan trọng của phần lớn người dân ở đây. Thực tế cho thấy, các chiến lược sinh kế của người dân ở đây khá đa dạng [7] và việc lựa chọn các chiến lược sinh kế không chỉ chịu ảnh hưởng các yếu tố nguồn lực của gia đình mà còn bởi khả năng tiếp cận các yếu tố liên quan đến thị trường, tham gia các tổ chức tại địa phương, điều kiện tự nhiên,... Do vậy, kết quả sinh kế của mỗi hộ sẽ có sự khác biệt nhất định. Vì vậy, mục tiêu của nghiên cứu này nhằm nhận ra các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sinh kế của hộ ngư nghiệp nhằm góp phần tìm ra giải pháp hướng đến phát triển sinh kế bền vững cho hộ trong thời gian tới.

2 Cơ sở lý thuyết

2.1 Sinh kế

Sinh kế được hiểu đơn giản là phương tiện nhằm đảm bảo đời sống cho con người. Theo Chambers và Conway [4], sinh kế là phương tiện để kiếm sống, bao gồm khả năng, nguồn lực và các hoạt động cần có để đảm bảo phương tiện sống của con người. Theo Ellis [8], sinh kế bao gồm những tài sản, những hoạt động và cơ hội được tiếp cận đến tài sản và hoạt động này (đạt được thông qua các thể chế, quan hệ xã hội), theo đó các quyết định sinh kế đều thuộc về mỗi cá nhân hay nông hộ. Như vậy, khái niệm cho thấy, sinh kế bao gồm các nguồn lực mà cá nhân hay hộ gia đình sở hữu có thể tạo ra thu nhập hoặc có thể được sử dụng để thực hiện các hoạt động nhằm đáp ứng các nhu cầu của họ. Khi tiếp cận nghiên cứu sinh kế hộ gia đình, chúng ta không chỉ mô tả, phân tích các khía cạnh về kinh tế, xã hội mà cần phải phân tích trên góc độ tiếp cận khung sinh kế. Khung sinh kế là một công cụ được xây dựng nhằm xem xét một cách toàn diện tất cả các yếu tố ảnh hưởng đến sinh kế, đặc biệt là các cơ hội để hình thành các chiến lược sinh kế. Khung phân tích sinh kế hộ theo DFID bao gồm 5 nguồn lực chính: (1) Nguồn lực tự nhiên; (2) Nguồn lực con người; (3) Nguồn lực xã hội; (4) Nguồn lực tài chính; (5) Nguồn lực vật chất. Hộ gia đình sử dụng các nguồn lực để xây dựng chiến lược sinh kế của họ nhằm đạt được các kết quả kỳ vọng. Vì vậy, việc hiểu biết và đánh giá đúng cũng như huy động tối đa các nguồn lực để

xác định các chiến lược sinh kế phù hợp sẽ thúc đẩy quá trình phát triển sinh kế của hộ một cách ổn định và bền vững.

2.2 Một số công trình nghiên cứu liên quan và mô hình nghiên cứu đề xuất

Cho đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả sinh kế hộ gia đình. Kết quả sinh kế được xem là thành tựu mà hộ gia đình đạt được từ việc thực hiện các chiến lược sinh kế của họ [9]. Các nghiên cứu đã chỉ ra thu nhập là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả sinh kế [5, 10] và kết quả sinh kế chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố [1, 10].

Kết quả nghiên cứu của Võ Văn Tuấn và Lê Cảnh Dũng [5] đã chỉ ra trình độ của lao động chính (thường là chủ hộ hay người ra quyết định trong hộ) có ảnh hưởng đến sinh kế của hộ. Yếu tố này đóng vai trò quan trọng đối với việc ra quyết định sản xuất cũng như ảnh hưởng đến việc tiếp thu và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất từ đó ảnh hưởng đến việc sử dụng có hiệu quả các nguồn lực khác của hộ. Bên cạnh đó, các nghiên cứu cũng chỉ ra các yếu tố liên quan đến nguồn lực con người như kinh nghiệm sản xuất, số lao động cũng ảnh hưởng đến kết quả sinh kế của hộ [10, 11].

Phần lớn các nông hộ xác định các hoạt động sản xuất dựa trên nguồn lực về đất đai, tình hình tài chính của mình. Nên quy mô các yếu tố này có ảnh hưởng đến hoạt động và kết quả sinh kế của hộ. Theo Võ Văn Tuấn và Lê Cảnh Dũng [5], Nguyễn Tiến Dũng và Phan Thuận [10] chỉ ra diện tích sản xuất có ảnh hưởng đến kết quả sinh kế của hộ. Nguyễn Duy Cần và Võ Hồng Tú [11] đã chỉ ra tình hình vay vốn, giá trị phương tiện phục vụ sản xuất có ảnh hưởng đến kết quả sinh kế của hộ.

Tham gia các tổ chức tại địa phương giúp hộ có cơ hội tham gia tập huấn sản xuất cũng như tiếp cận các chương trình hỗ trợ sản xuất. Võ Văn Tuấn và Lê Cảnh Dũng [5], Nguyễn Tiến Dũng và Phan Thuận [10] chỉ ra việc tham gia các tổ chức đoàn, hội cũng như sự hỗ trợ của địa phương có ảnh hưởng tích cực đến kết quả sinh kế của hộ.

Tính đa dạng của sinh kế thể hiện qua việc lựa chọn về số lượng và các loại hoạt động sinh kế. Nông hộ thường lựa chọn hoạt động sinh kế dựa trên các nguồn lực hiện có và mục tiêu sản xuất của mình. Các nghiên cứu cũng đã chỉ ra số lượng nguồn thu nhập, tính đa dạng sinh kế có ảnh hưởng đến kết quả sinh kế của các nông hộ [5, 10, 12].

Có thể nói, các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến kết quả sinh kế hộ gia đình. Đây là căn cứ để nghiên cứu xây dựng mô hình phân tích các yếu tố ảnh

hưởng đến kết quả sinh kế của hộ ngư nghiệp ở huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Mô hình nghiên cứu được xây dựng như sau:

$$Y = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \dots + \beta_i X_i \quad (1)$$

trong đó: Biến phụ thuộc Y là Ln (tổng thu nhập trung bình của hộ ngư nghiệp/năm). Các biến X_1, X_2, \dots, X_i là các biến giải thích (biến độc lập) và được diễn giải ở Bảng 1.

Bảng 1. Diễn giải các biến độc lập trong mô hình nghiên cứu

Biến độc lập	Tên biến	Diễn giải	Kỳ vọng
X1	Trình độ văn hóa	Số năm đến trường của chủ hộ (Năm)	+
X2	Kinh nghiệm sản xuất	Số năm tham gia sản xuất của hộ (Năm)	+
X3	Số lao động trong hộ	Số người trong hộ có khả năng lao động tạo ra thu nhập (Người)	+
X4	Diện tích sản xuất	Diện tích sản xuất của hộ (M ²)	+
X5	Tình hình vay vốn	Thang đo định danh (1: Hộ có vay vốn; 0: Hộ không vay vốn)	+
X6	Vốn vật chất	Giá trị phương tiện phục vụ sản xuất (Triệu đồng)	+
X7	Tham gia HTX, hội, tổ chức	Thang đo định danh (1: Hộ có tham gia; 0: Hộ không tham gia).	+
X8	Số hoạt động sinh kế	Số hoạt động sinh kế hộ đang thực hiện (Số lượng hoạt động sinh kế)	+
X9	Chiến lược sinh kế	Chiến lược sinh kế của hộ (1: Hộ chuyên sản xuất thủy sản; 2: Hộ thủy sản kết hợp sản xuất nông nghiệp; 3: Hộ thủy sản kết hợp ngành nghề dịch vụ; 4: Hộ sản xuất hỗn hợp).	+

Nguồn: Tổng hợp của tác giả, 2022

3 Phương pháp nghiên cứu

3.1 Phương pháp thu thập số liệu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phỏng vấn người am hiểu (KIP) là cán bộ phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Quảng Điền nhằm xác định các thông tin về tình hình nuôi trồng thủy sản, các chỉ tiêu đo lường nguồn lực sinh kế, hoạt động sinh kế của nông hộ. Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng được sử dụng để lựa chọn các hộ khảo sát dựa trên tiêu chí về địa bàn và đặc điểm hoạt động sinh kế. Trên cơ sở đó, nghiên cứu chọn 2 xã có hoạt động nuôi trồng thủy sản chính của huyện Quảng Điền là xã Quảng Công và xã Quảng Ngạn, các hộ được lựa chọn khảo sát là hộ có hoạt động thủy sản. Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 160 hộ tại huyện Quảng Điền. Thông tin được thu thập bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp dựa trên phiếu khảo sát được thiết kế sẵn. Sau khi thu thập và xử lý số liệu đã loại bỏ các phiếu không đảm bảo thông tin, có 150 hộ khảo sát đạt yêu cầu và đưa vào phân tích.

3.2 Phương pháp phân tích

– Phương pháp thống kê mô tả được sử dụng để thể hiện các đặc trưng của hộ khảo sát về các hoạt động sinh kế, thu nhập từ hoạt động sinh kế.

– Phương pháp kiểm định Kruskal – Wallis nhằm kiểm định sự khác biệt giữa kết quả sinh kế của các nhóm hộ theo các tiêu chí khác nhau.

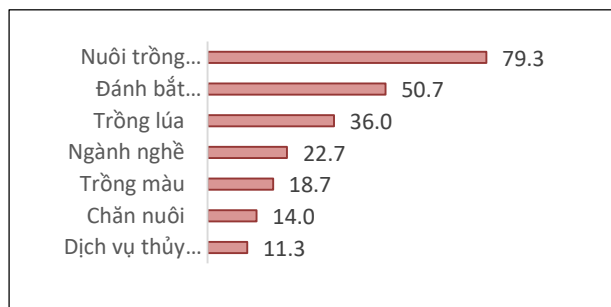
– Phương pháp phân tích hồi quy được sử dụng để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sinh kế của hộ.

4 Kết quả nghiên cứu và thảo luận

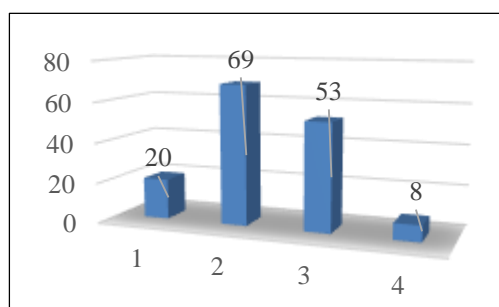
4.1 Đặc điểm hoạt động sinh kế của hộ

Kết quả khảo sát hoạt động sinh kế của các hộ ngư nghiệp tại huyện Quảng Điền được thể hiện ở Hình 1 và Hình 2.

Kết quả khảo sát cho thấy sinh kế của hộ gia đình chủ yếu dựa vào hai nhóm hoạt động chính là sản xuất nông nghiệp và hoạt động thủy sản. Các hoạt động sản xuất nông nghiệp được hộ lựa chọn bao gồm hoạt động trồng lúa, trồng màu (rau khoai, dưa hấu, đậu các loại, ...), chăn nuôi. Hoạt động thủy sản được các hộ lựa chọn bao gồm hoạt động đánh bắt thủy sản, nuôi trồng thủy sản. Huyện Quảng Điền nằm trong vùng đầm phá Tam Giang, có lợi thế phát triển thủy sản



Hình 1. Tỷ lệ hộ theo các hoạt động sinh kế (%)



Hình 2. Quy mô hộ theo số lượng hoạt động sinh kế (Hộ)

nên thủy sản là hoạt động được hầu hết các hộ lựa chọn là hoạt động sinh kế chính của gia đình. Trong 150 hộ khảo sát, có 119 hộ, chiếm 79,3%, có thực hiện hoạt động nuôi trồng thủy sản theo mô hình nuôi chuyên canh hoặc xen ghép các loại thủy sản, có 76 hộ, chiếm 50,7%, tham gia hoạt động đánh bắt thủy sản đầm phá hoặc đánh bắt thủy sản trên biển. Kết quả này cũng tương đồng với kết quả nghiên cứu của Bùi Hồng Hà [1] đã chỉ ra phần lớn các cộng đồng dân cư ven biển miền Trung đều chọn sinh kế thủy sản làm hoạt động sinh kế chính. Ngoài hoạt động sản xuất nông nghiệp và thủy sản, một số hộ lựa chọn kinh doanh dịch vụ thủy sản hoặc ngành nghề làm hoạt động sinh kế cho gia đình.

Bên cạnh đó, nhằm sử dụng tối đa các nguồn lực đặc biệt là nguồn lực lao động, trong chiến lược sinh kế, các hộ thường thực hiện nhiều hoạt động sinh kế khác nhau. Trong 150 hộ khảo sát, có 69 hộ lựa chọn 2 hoạt động sinh kế, có 53 hộ lựa chọn 3 hoạt động sinh kế, 20 hộ lựa chọn 1 hoạt động sinh kế và 8 hộ lựa chọn 4 hoạt động sinh kế.

4.2 Kết quả hoạt động sinh kế

Thu nhập là một chỉ tiêu để đánh giá kết quả hoạt động sinh kế của hộ. Thu nhập của hộ khảo sát được thể hiện qua số liệu Bảng 2.

Kết quả khảo sát cho thấy thu nhập trung bình của hộ ngư nghiệp tại huyện Quảng Điền là gần 202,2 triệu đồng/năm. Hộ có thu nhập cao nhất là 441,5 triệu đồng/năm và thấp nhất là 96,0 triệu đồng/năm. Trong cơ cấu thu nhập, sản xuất nông nghiệp đóng góp 14,32%, thủy sản đóng góp 76,33%, dịch vụ thủy sản chiếm 3,95% và ngành nghề chiếm 4,86%. Trong cơ cấu thu

Bảng 2. Thu nhập bình quân hộ khảo sát

Chỉ tiêu	Thu nhập		Độ lệch chuẩn
	Số tiền (Nghìn đồng)	Tỷ trọng (%)	
1. Trồng lúa	14.446,6	7,15	17.457,7
2. Trồng màu	8.486,7	4,20	12.461,4
3. Chăn nuôi	6.006,7	2,97	14.520,7
4. Đánh bắt thủy sản	48.333,3	23,91	54.887,5
5. Nuôi trồng thủy sản	105.973,3	52,42	73.462,4
6. Dịch vụ thủy sản	7.986,6	3,95	23.077,9
7. Ngành nghề	9.820,0	4,86	16.419,8
8. Khác	1.118,0	0,55	1.297,5
Tổng thu nhập	202.171,2	100,00	73.294,8

Nguồn: Số liệu khảo sát 2022

nhập của hoạt động thủy sản, trung bình thu nhập từ hoạt động nuôi trồng thủy sản là 105,9 triệu/hộ, chiếm 52,42% tổng thu nhập và hoạt động đánh bắt thủy sản là 48,3 triệu đồng/hộ, chiếm 23,91%. Điều này cho thấy hoạt động nuôi trồng và đánh bắt thủy sản đóng vai trò quan trọng trong sinh kế của hộ gia đình.

Ngoài ra, nghiên cứu sự chênh lệch thu nhập giữa nhóm có thu nhập cao và nhóm hộ có thu nhập thấp cho thấy, trung bình nhóm hộ có thu nhập cao (trên 350 triệu đồng/hộ/năm) có mức thu nhập gấp 2,8 lần nhóm hộ có mức thu nhập thấp (dưới 150 triệu đồng/hộ/tháng). Trong cơ cấu thu nhập, tỷ trọng thu nhập từ các hoạt động sinh kế có sự khác nhau. Cụ thể, nhóm hộ có mức thu nhập cao, có tỷ trọng thu nhập từ hoạt động thủy sản chiếm trên 83%, hoạt động nông nghiệp chiếm 9% và thu nhập thủy sản gấp 8,5 lần thu nhập nông nghiệp. Nhóm hộ có mức thu nhập thấp, có tỷ trọng thu nhập từ nông nghiệp cao hơn, trên 18,0%, thu nhập từ thủy sản chiếm 70% và thu nhập thủy sản gấp gần 4 lần thu nhập nông nghiệp. Kết quả này cho thấy việc lựa chọn các hoạt động và chiến lược sinh kế có ảnh hưởng đến kết quả sinh kế của hộ.

4.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sinh kế của hộ

Mô hình hồi quy tuyến tính được sử dụng để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sinh kế của hộ ngư nghiệp tại huyện Quảng Điền. Kết quả ước lượng cho thấy, mô hình nghiên

cứu có hệ số Sig. = 0,000 nên mô hình phù hợp có ý nghĩa thống kê ở độ tin cậy 99%. Hệ số R² hiệu chỉnh = 0,819, tức là các yếu tố trong mô hình là phù hợp và giải thích được 81,9% sự biến động về kết quả sinh kế của các hộ ở huyện Quảng Điền.

Kết quả ước lượng cho thấy, trong 9 yếu tố đưa vào mô hình thì có 6 yếu tố có ý nghĩa thống kê và có ảnh hưởng tích cực đến kết quả sinh kế của hộ, 3 yếu tố không có ý nghĩa thống kê. Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố được giải thích như sau:

Trình độ văn hoá của chủ hộ có ảnh hưởng tích cực đến kết quả sinh kế của hộ với có mức ý nghĩa thống kê 10%. Khi các yếu tố khác không thay đổi, trình độ văn hóa của chủ hộ tăng 1% thì thu nhập của hộ tăng 0,075%. Điều này được giải thích, khi chủ hộ có trình độ học vấn càng cao thì việc tiếp cận và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất tốt hơn, khả năng lựa chọn để đưa ra các quyết định sản xuất tốt hơn nên cũng có thu nhập cao hơn.

Bên cạnh trình độ học vấn, kinh nghiệm sản xuất cũng ảnh hưởng tích cực đến kết quả sinh kế và có ý nghĩa thống kê ở mức 10%. Điều này cho thấy các hộ có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất, sẽ có kết quả sinh kế tốt hơn.

Yếu tố số lượng lao động, diện tích sản xuất có ảnh hưởng tích cực đến kết quả sinh kế của hộ và có ý nghĩa thống kê ở mức 1%. Nghĩa là khi quy mô các yếu tố lao động, diện tích sản xuất của hộ càng lớn thì kết quả sinh kế sẽ tăng lên. Điều này cũng tương đồng với kết quả nghiên

Bảng 3. Kết quả ước lượng các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sinh kế của hộ

Yếu tố	Hệ số β	Sig.	VIP
1. Trình độ văn hóa của chủ hộ	0,075	0,061	1,294
2. Kinh nghiệm sản xuất	0,071	0,068	1,236
3. Số lao động	0,653	0,000	1,362
4. Diện tích sản xuất	0,423	0,000	1,141
5. Tình hình vay vốn	0,042	0,234	1,039
6. Vốn vật chất	-0,029	0,445	1,148
7. Tham gia HTX, hội, tổ chức	0,110	0,006	1,308
8. Số hoạt động sinh kế	0,024	0,496	1,051
9. Chiến lược sinh kế	0,122	0,001	1,041
Hệ số chặn		0,002	

Nguồn: Số liệu khảo sát và tính toán từ SPSS 20

cứu của Nguyễn Tiến Dũng và Phan Thuận [10] đã chỉ ra rằng cả 2 yếu tố này có ảnh hưởng quan trọng đến kết quả sinh kế của hộ.

Việc tham gia các tổ chức tại địa phương có ảnh hưởng tích cực đến kết quả sinh kế của hộ và có ý nghĩa thống kê ở mức 5%. Điều này được giải thích, khi hộ tham gia vào các tổ chức tại địa phương như tham gia hợp tác xã, hội nông dân, hiệp hội nghề cá, ... sẽ giúp tiếp cận được các thông tin liên quan đến sản xuất, thị trường cũng như học hỏi được nhiều kinh nghiệm từ các hộ khác trong vùng. Từ đó, giúp hộ ra quyết định sản xuất tốt và hợp lý hơn cũng như đã nâng cao được hiệu quả sản xuất. Chiến lược sinh kế được các hộ lựa chọn cũng có ảnh hưởng tích cực đến kết quả sinh kế và có ý nghĩa thống kê ở mức 5%. Điều này cho thấy việc lựa chọn chiến lược sinh kế phù hợp sẽ giúp hộ nâng cao kết quả sinh kế.

4.4 Mối quan hệ giữa nguồn lực sinh kế và kết quả sinh kế của hộ

Mối quan hệ giữa chiến lược sinh kế và kết quả sinh kế của hộ

Dựa trên tỷ trọng của các hoạt động sản xuất trong tổng thu nhập của hộ. Các chiến lược sinh kế của hộ khảo sát có thể chia thành 4 nhóm, bao gồm nhóm hộ chuyên hoạt động thủy sản, nhóm hộ thủy sản kết hợp với sản xuất nông nghiệp, nhóm hộ thủy sản kết hợp với ngành nghề dịch vụ và nhóm hộ sản xuất hỗn hợp. Kết quả kiểm định sự khác biệt giữa chiến lược sinh kế và thu nhập giữa các nhóm hộ được thể hiện qua số liệu Bảng 4.

Phân theo chiến lược sinh kế, nhóm hộ chuyên về hoạt động thủy sản và nhóm hộ sản xuất hỗn hợp có mức thu nhập bình quân hộ lớn nhất, nhóm hộ sản xuất thủy sản kết hợp sản xuất nông nghiệp có mức thu nhập bình quân hộ thấp nhất. Kết quả kiểm định thống kê phi tham số Kruskal – Wallis có giá trị P-value = 0,000 chứng tỏ có sự khác biệt về thu nhập giữa các nhóm hộ theo chiến lược sinh kế.

Bảng 4. Mối quan hệ giữa chiến lược sinh kế và kết quả sinh kế của hộ

Chiến lược sinh kế	Thu nhập trung bình (Triệu đồng/hộ)	Kiểm định Kruskal- Wallis	
		Hệ số χ^2	P-value
1. Hộ chuyên thủy sản	207.497,1	20,714	0,000
2. Hộ thủy sản và sản xuất nông nghiệp	160.609,4		
3. Hộ thủy sản và ngành nghề dịch vụ	198.555,6		
4. Hộ sản xuất hỗn hợp	234.450,0		

Nguồn: Số liệu khảo sát 2022

Mối quan hệ giữa nguồn lực sinh kế và kết quả sinh kế của hộ

Mối quan hệ giữa nguồn lực sinh kế và kết quả sinh kế của các hộ khảo sát được thể hiện qua số liệu Bảng 5.

Kết quả tính toán ở Bảng 5 cho thấy, các yếu tố nguồn lực sinh kế như trình độ văn hóa của chủ hộ, số lượng lao động, diện tích sản xuất, giá trị tư liệu sản xuất của các hộ có thu nhập cao đều cao hơn các hộ có thu nhập thấp. Kết quả kiểm định thống kê phi tham số Kruskal – Wallis cho thấy, các yếu tố nguồn lực sinh kế như trình độ văn hóa của chủ hộ, số lượng lao động, diện tích sản xuất, giá trị tư liệu sản xuất của các hộ có thu nhập cao đều cao hơn các hộ có thu nhập thấp và kết quả kiểm định thống kê phi tham số Kruskal – Wallis cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa về các yếu tố nguồn lực sinh kế này giữa các nhóm hộ theo mức thu nhập. Tuy nhiên yếu tố kinh nghiệm sản xuất không có sự khác biệt giữa các nhóm hộ theo thu nhập.

5 Kết luận và khuyến nghị

5.1 Kết luận

Dựa trên kết quả khảo sát 150 hộ ngư nghiệp trên địa bàn huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, nghiên cứu đã phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sinh kế của hộ. Kết quả phân tích cho thấy, các hộ ngư nghiệp thực hiện nhiều hoạt động sinh kế với các chiến lược sinh kế khác nhau. Trong đó, hoạt động thủy sản mà cụ thể là hoạt động nuôi trồng và đánh bắt thủy sản đóng vai trò quan trọng trong sinh kế của hộ gia đình.

Bảng 5. Mối quan hệ giữa nguồn lực sinh kế và thu nhập của các nhóm hộ

Chỉ tiêu	Dưới 150 triệu đồng/hộ	Từ 150–350 triệu đồng/hộ	Trên 350 triệu đồng /hộ	Kiểm định Kruskal-Wallis	
				Hệ số χ^2	P-value
1. Trình độ văn hóa	7,1	7,4	9,3	8,304	0,016
2. Lao động	2,1	2,9	4,6	60,626	0,000
3. Kinh nghiệm	15,4	14,6	14,7	1,444	0,486
4. Diện tích sản xuất	8.378,0	12.304,1	19.069,4	29,171	0,000
5. Giá trị TLSX	79,8	93,6	98,2	5,496	0,064

Nguồn: Số liệu khảo sát 2022

Kết quả phân tích hồi quy các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sinh kế của hộ ngư nghiệp cho thấy, các yếu tố về trình độ văn hóa của chủ hộ, kinh nghiệm sản xuất, số lao động, diện tích sản xuất, việc tham gia các tổ chức tại địa phương và chiến lược sinh kế có ảnh hưởng tích cực đến kết quả sinh kế của hộ. Đây là một trong những cơ sở quan trọng để nghiên cứu gợi mở một số đề xuất khuyến nghị nhằm phát triển sinh kế cho hộ ngư nghiệp ở huyện Quảng Điền trong thời gian tới.

5.2 Khuyến nghị

Dựa vào kết quả nghiên cứu, bài viết đề xuất các khuyến nghị giải pháp nhằm phát triển sinh kế hộ ngư nghiệp tại huyện Quảng Điền một cách hiệu quả và bền vững, cụ thể:

– Cần có các chính sách hỗ trợ, khuyến khích giúp nâng cao kiến thức và kỹ năng cho chủ hộ cũng như lực lượng lao động trong hộ. Thông qua các lớp tập huấn nhằm giúp hộ nâng cao kiến thức sản xuất, thị trường, ra quyết định sản xuất. Các lớp tập huấn cần đa dạng về nội dung, thời gian và hình thức để các hộ có thể tham gia.

– Cần tiếp tục thực hiện công tác quy hoạch đất sản xuất, đẩy mạnh chuyển đổi diện tích sản xuất các loại cây trồng, vật nuôi không hiệu quả. Khuyến khích hộ mở rộng các mô hình nuôi trồng thủy sản xen ghép phù hợp tại các diện tích thủy vực chưa khai thác.

– Khuyến khích, động viên hộ ngư dân tham gia vào các tổ chức đoàn thể tại địa phương nhằm tạo mối quan hệ xã hội cũng như học hỏi chia sẻ kiến thức, kỹ năng trong sản xuất và đời sống. Tăng cường phát triển và nhân rộng các mô hình sản xuất theo tổ hợp tác, hợp tác xã nhằm duy trì sự hỗ trợ và giúp đỡ nhau trong cộng đồng.

Tài liệu tham khảo

1. Bùi Hồng Hà (2020), Yếu tố ảnh hưởng đến sinh kế bền vững của cộng đồng dân cư vùng ven biển các tỉnh Duyên Hải miền Trung, *Tạp chí Tài chính*, 743, 138–141.
2. Nguyễn Thị Thu Hương, Bùi Đức Tính, Trịnh Văn Sơn (2021), Đo lường sinh kế bền vững của hộ nuôi trồng thủy sản ở vùng đầm phá tỉnh Thừa Thiên Huế, *Tạp chí Khoa học Đại học Huế*, 130(3B), 5–18.
3. Bùi Văn Tuấn (2015), Thực trạng và giải pháp đảm bảo sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư ven đô Hà Nội trong quá trình đô thị hóa, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, 3(5), 91–108.

4. Chambers, R., and Conway, G., R., (1991), *Sustainable rural livelihoods: Practical concepts for the 21st century*, IDS Discussion Paper No 296.
5. Võ Văn Tuấn, Lê Cảnh Dũng (2015), Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sinh kế của nông hộ ở Đồng bằng Sông Cửu Long, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 38, 120–129.
6. Nguyễn Thị Thu Hương và cs. (2020), Hiệu quả nuôi trồng thủy sản tại ao, hồ ở huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, Kỳ I, Tháng 4, 127–133.
7. Nguyễn Thị Thu Hương và cs. (2021), Đo lường sinh kế bền vững của hộ nuôi trồng thủy sản ở vùng đầm phá tỉnh Thừa Thiên Huế, *Tạp chí Khoa học Đại học Huế*, 130(3B), 5–18.
8. Ellis, F. (2000), *Rural livelihoods and diversity in developing countries*, Oxford University Press, New York.
9. DFID (1999), *Sustainable Livelihood Guidance sheet*, DFID.
10. Nguyễn Tiến Dũng và Phan Thuận (2021), Các yếu tố ảnh hưởng đến sinh kế của ngư dân vùng hạn mặn ở Đồng Bằng sông Cửu Long, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 57(1C), 210–226.
11. Nguyễn Duy Cần và Võ Hồng Tú (2019), Thực trạng và chiến lược sử dụng nguồn vốn sinh kế thích ứng với xâm nhập mặn của nông hộ ven biển Đồng bằng Sông Cửu Long, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 55(6D), 109–118.
12. Lâm Thành Sĩ, Nguyễn Thành Tín (2020), Các yếu tố ảnh hưởng đến sinh kế hộ sản xuất lúa ở An Giang và Đồng Tháp, *Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam*, 5(114), 82–88.